

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 97/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền;

Ông Dương Trần Trọng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp BN, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Chị **Đinh Thị Bé T**, sinh năm 1988; thường trú tại: Ấp BN, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú tại: Ấp MĐ, xã ML, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Đinh Thị Bé T tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng anh sống với nhau được khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do giữa anh và chị T có nhiều bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến cuối năm 2008, chị T bỏ con về nhà cha mẹ ruột ở, đến năm con anh 04 tuổi thì anh rước con về chăm sóc đến nay. Từ

c cuối năm 2008 đến nay, anh và chị T đã ly thân nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 20-8-2007, hiện cháu N đang sống với anh K, anh K yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng sau khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung anh K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù chị Đinh Thị Bé T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh K, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với chị T và xác định mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, thời gian ly thân đã lâu, vợ chồng không hàn gắn được. Đồng thời, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng; các vấn đề khác anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, theo đó việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn K và chị Đinh Thị Bé T tranh chấp về ly hôn; chị T hiện cư trú trên địa bàn huyện Cai Lậy. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

[2] Bị đơn, chị Đinh Thị Bé T không có đơn xin xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn K và chị Đinh Thị Bé T là hợp pháp vì có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh K sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến mâu thuẫn trở nên trầm trọng và không thể hàn gắn được. Anh chị đã không còn chung sống vợ chồng (ly thân) từ cuối năm 2008 đến nay. Mặc dù những nội dung trên do phía anh K cung cấp, nhưng phía chị T không có ý kiến gì phản đối là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình. Hơn nữa, chị T không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh K nên xem như chị T đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng và yêu cầu được nuôi con của anh K. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” và “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh K và chị T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh K là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị Đinh Thị Bé T không yêu cầu được nuôi con, cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của anh K. Cháu Nguyễn Thị Thảo N có nguyện vọng được sống với anh K sau khi cha mẹ ly hôn. Qua xác minh điều kiện nuôi con của anh K được chính quyền địa phương xác nhận anh K có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh K khai không có, không yêu cầu; chị T không có ý kiến gì về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Văn K là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn K. Cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn với chị Đinh Thị Bé T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 20-8-2007 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đinh Thị Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con (do anh K chưa yêu cầu).

Chị Đinh Thị Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15286 ngày 26-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên được trừ vào án phí, xem như anh K đã thi hành xong án phí.

Anh Nguyễn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của chị Đinh Thị Bé T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã TB, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực